

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 598 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018 - 2020,
xét đến năm 2025**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị lần thứ 4, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế;

Căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Ban chấp hành Trung ương về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW và Nghị quyết số 24/2016/QH14;

Căn cứ Quyết định số 2146/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018 - 2020, xét đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, CN (2). nvq **130**

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng

KẾ HOẠCH

Cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018 - 2020, xét đến năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598 /QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018 - 2020, xét đến năm 2025)

Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 2 đã ban hành Nghị quyết số 24/2016/QH14 về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020, trong đó xác định nhiệm vụ cơ cấu lại thực chất ngành công nghiệp. Để thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018 - 2020, xét đến năm 2025 với các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG

- Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018 - 2020, xét đến năm 2025 được xây dựng để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 05-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị quyết số 24/2016/QH14 của Quốc hội và Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ.

- Kế hoạch được xây dựng trên tinh thần tiếp tục cụ thể hóa các nhiệm vụ tại Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương tại Quyết định số 2146/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ; có điều chỉnh, cập nhật, bổ sung phù hợp với tình hình phát triển của ngành Công Thương và tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

- Kế hoạch được triển khai theo hướng tăng tỉ trọng đóng góp của công nghiệp trong GDP, và tăng tỉ trọng các ngành công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế biến chế tạo; tập trung vào xử lý các vấn đề cụ thể về cơ chế, chính sách và triển khai thực hiện các hoạt động, chương trình, dự án và nhiệm vụ mang tính trọng tâm, trọng điểm để khơi thông, xử lý nhanh và có hiệu quả các điểm nghẽn trong phát triển các ngành công nghiệp; đặc biệt ưu tiên vào xử lý các điểm nghẽn về chính sách, thể chế và tiếp cận tích cực hơn các nguồn lực cho phát triển công nghiệp của các thành phần kinh tế; đảm bảo thực thi đầy đủ nguyên tắc cơ chế thị trường trong huy động nguồn lực phát triển các ngành công nghiệp.

- Kế hoạch lấy hội nhập quốc tế về kinh tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm bối cảnh để đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất công nghiệp, nâng cao tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào giá trị gia tăng của sản phẩm công nghiệp; chủ động phát triển một số ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp công nghệ cao và ứng dụng

công nghệ cao trong tổ chức sản xuất nhằm tạo ra những thay đổi thực chất trong một số ngành công nghiệp, tạo ra tác động lan tỏa và dẫn dắt việc cơ cấu lại toàn ngành công nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị công nghiệp toàn cầu.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Vai trò của ngành công nghiệp trong nền kinh tế được nâng lên với tỉ trọng cao hơn của công nghiệp trong GDP, xuất khẩu, tạo việc làm và thu hút đầu tư, góp phần hoàn thành mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế.

- Năng suất, năng lực cạnh tranh công nghiệp được cải thiện, khoảng cách năng lực cạnh tranh công nghiệp với các nước ASEAN-4 được thu hẹp; tỉ trọng công nghiệp công nghệ cao và vai trò của khu vực tư nhân trong công nghiệp chế biến chế tạo được nâng lên.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn đến 2020

- Tỉ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP đạt từ 30 - 35%, tốc độ tăng trưởng công nghiệp cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP; tỉ trọng hàng chế biến chế tạo trong tổng kim ngạch xuất khẩu đạt từ 85 - 90%; lao động trong công nghiệp và xây dựng chiếm 25 - 30%; tốc độ tăng trưởng đầu tư và số lượng doanh nghiệp trong công nghiệp cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân toàn xã hội.

- Tốc độ tăng năng suất lao động trong ngành công nghiệp bình quân hàng năm cao hơn 5,5%; thu hẹp khoảng cách các chỉ số về năng lực cạnh tranh công nghiệp so với các nước ASEAN-4; tỉ trọng đóng góp của nhóm ngành công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế biến chế tạo và của khu vực tư nhân năm sau cao hơn so với năm trước về số lượng doanh nghiệp, số lao động và doanh thu; tăng trưởng giá trị gia tăng của công nghiệp chế biến chế tạo (MVA) bình quân đạt từ 8 - 10%.

- Hình thành thí điểm một số cụm liên kết ngành công nghiệp trong các ngành công nghiệp ưu tiên; triển khai thành công một số chương trình nâng cao năng lực công nghiệp trong nước, kết nối kinh doanh giữa nhà cung cấp trong nước với các doanh nghiệp lớn trong nước và nước ngoài.

- Thực hiện lộ trình thoái vốn, cổ phần hóa theo đúng kế hoạch của Nhà nước. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn, Tổng công ty đã được phê duyệt.

b) Giai đoạn đến 2025

- Tỉ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP được duy trì ở mức trên 35%, tỉ trọng hàng chế biến, chế tạo trong xuất khẩu được duy trì ở mức trên 85%; tỉ trọng lao động, doanh nghiệp và đầu tư trong công nghiệp cao hơn so với giai đoạn 2015 - 2020.

- Thu hẹp khoảng cách về năng lực cạnh tranh công nghiệp với các nước ASEAN-4, đặc biệt về các chỉ số liên quan đến MVA; năng suất trong ngành công nghiệp tăng bình quân từ 6 - 7%; tỉ trọng đóng góp của nhóm ngành công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế biến chế tạo và của khu vực tư nhân bình quân cao hơn giai đoạn 2015 - 2020.

- Một số ngành công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; hình thành một số doanh nghiệp công nghiệp trong nước có quy mô lớn, đa quốc gia có năng lực cạnh tranh quốc tế.

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ ÁN ƯU TIÊN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2018 - 2025

1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách và thể chế cơ cấu lại ngành công nghiệp

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Ban chấp hành trung ương Đảng công sản Việt Nam về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung và ban hành mới một số Luật, Pháp lệnh, Nghị định và các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo ra khung khổ pháp lý cho đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành công nghiệp, đảm bảo tính đồng bộ, công khai, minh bạch, ổn định và phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và các cam kết quốc tế nói chung, các yêu cầu về phát triển công nghiệp nói riêng.

- Xây dựng và điều chỉnh các cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư trong một số ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp xanh; các dự án đầu tư phát triển các vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp để tập trung nguồn lực tạo đột phá về tăng trưởng.

- Điều chỉnh, lồng ghép nội dung của cơ cấu lại các ngành công nghiệp vào trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển hiện có của các ngành công nghiệp. Lồng ghép chính sách cơ cấu lại các ngành công nghiệp với chính sách phát triển vùng; hình thành mối liên kết giữa các địa phương trong vùng thông qua các liên kết các ngành công nghiệp.

- Rà soát, điều chỉnh và bổ sung các chính sách hoàn thiện môi trường kinh doanh, đơn giản hóa và công khai quy trình, thủ tục hành chính, triển khai; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện điện tử hóa các thủ tục kiểm tra chuyên ngành; từng bước thực hiện đầy đủ nguyên tắc cơ chế thị trường giữ vai trò chủ yếu trong phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển các ngành công nghiệp, đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng, thuận lợi cho các doanh nghiệp.

- Bổ sung và hoàn thiện các chính sách về bảo vệ môi trường đối với một số ngành công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; xây dựng, điều

chính và thực hiện hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trong ngành công nghiệp, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và điều kiện thực tế của Việt Nam.

2. Thúc đẩy, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành công nghiệp

- Tăng cường áp dụng hệ thống tổ chức sản xuất tiên tiến và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất công nghiệp, gắn sản xuất công nghiệp với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất công nghiệp; xây dựng danh mục các dự án, nhà máy sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao và triển khai theo lộ trình thay thế và loại bỏ dần các thiết bị lạc hậu trong các nhà máy và đóng cửa các nhà máy gây ô nhiễm.

- Xây dựng và nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm của các ngành công nghiệp như dệt may, da giày, hóa chất, thực phẩm, điện tử... giấy nhằm nâng cao giá trị gia tăng và khả năng tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu, khai thác một cách có hiệu quả quá trình hội nhập và tự do hóa thương mại mạnh mẽ trong thời gian qua; phát triển thí điểm cụm liên kết ngành công nghiệp trong một số ngành công nghiệp ưu tiên; đẩy mạnh các hoạt động đưa hàng Việt Nam vào hệ thống phân phối của các thương hiệu nước ngoài.

- Phát triển ngành thép nội địa, ưu tiên đầu tư phát triển các nhà máy sản xuất các loại thép mà trong nước chưa sản xuất được có công nghệ thân thiện môi trường như thép tấm cán nóng và các loại thép hợp kim phục vụ ngành cơ khí chế tạo. Xây dựng lộ trình để loại bỏ dần các nhà máy gang, luyện thép và cán thép quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, sử dụng không hiệu quả tài nguyên và năng lượng thay thế bằng các nhà máy có công nghệ tiên tiến, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Tăng cường hiệu quả khai thác và sử dụng của ngành công nghiệp khai thác tài nguyên, khoáng sản, đặc biệt là đối với ngành công nghiệp than, dầu, khí và một số loại khoáng sản khác như alumin, limonit, manhetit, boxit, titan... Tổ chức điều tra, đánh giá thực chất năng lực cạnh tranh và đề xuất các giải pháp nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả của một số nguồn tài nguyên khoáng sản có trữ lượng lớn.

- Khuyến khích các doanh nghiệp lớn đầu tư phát triển ngành công nghiệp ô tô trên cơ sở bình đẳng, không phân biệt doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhằm phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đáp ứng nhu cầu của thị trường và đóng góp cho phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Các nhà sản xuất, lắp ráp ô tô cần chú trọng đầu tư vào công tác nghiên cứu phát triển và các ngành công nghiệp hỗ trợ, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu của ngành.

- Tập trung hỗ trợ, nâng cao năng lực nghiên cứu, tự thiết kế mẫu và sản phẩm mới trong lĩnh vực dệt may và da giày, phát triển và liên kết ngành công

ngành thời trang với dệt may và da giày. Xây dựng lộ trình về đổi mới công nghệ và hiện đại hóa trong ngành dệt may, da giày nhằm tạo giá trị tăng thêm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển nguồn nguyên liệu cho các ngành: chế biến thực phẩm, thuốc lá, giấy, dầu thực vật, sữa... Điều chỉnh cơ cấu sản phẩm phù hợp thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ trong ngành điện tử, cơ khí, dệt may, da giày; rà soát bổ sung chính sách để tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình cơ khí trọng điểm. Lựa chọn mô hình thí điểm hỗ trợ một số doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực dệt may, da giày, linh kiện điện tử, ô tô... và triển khai nhân rộng thành công các mô hình.

3. Phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên nhằm tạo tác động lan tỏa cho toàn ngành công nghiệp

- Ưu tiên đầu tư phát triển ngành công nghiệp chế biến sâu đối với các sản phẩm nông lâm, thủy sản, đặc biệt là các sản phẩm Việt Nam có lợi thế cạnh tranh nhằm nâng cao giá trị gia tăng của ngành, qua đó tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, tăng giá trị xuất khẩu; khuyến khích phát triển chế biến bằng công nghệ cao.

- Thu hút đầu tư phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và năng lượng mới nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đảm bảo thực hiện các mục tiêu về tăng trưởng xanh, giảm thiểu biến đổi khí hậu và cung cấp đầy đủ năng lượng với giá hợp lý, làm động lực phát triển cho các ngành công nghiệp khác.

- Đẩy mạnh phát triển sản phẩm cơ khí, ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực như: ô tô, các sản phẩm máy nông nghiệp, thiết bị công trình, thiết bị công nghiệp, thiết bị điện, thiết bị y tế, linh kiện phụ tùng ô tô, đóng tàu biển...

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại và phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp, ngành công nghiệp Việt Nam ưu tiên và thương hiệu của các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam; tập trung nguồn lực triển khai Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia hằng năm vào các ngành công nghiệp Việt Nam có thế mạnh như chế biến thực phẩm, đồ uống, dệt may, da giày... đẩy mạnh công tác phối hợp, cung cấp thông tin và hướng dẫn doanh nghiệp tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, đặc biệt là thương mại quốc tế.

4. Đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) theo đúng lộ trình đã được phê duyệt; thực hiện tái cơ cấu các DNNN trong các ngành công nghiệp nhằm phát huy hiệu quả của các nguồn lực

- Đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn và tái cơ cấu các DNNN của ngành Công Thương theo đúng lộ trình đã được Chính phủ phê duyệt nhằm tạo ra môi trường cạnh tranh tích cực hơn giữa các doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển khu vực doanh nghiệp công nghiệp tư nhân.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các Đề án tái cơ cấu các Tập đoàn, Tổng công ty đã được phê duyệt nhằm đổi mới quản trị, khai thác có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát DNNN; thực hiện đầy đủ việc minh bạch, công khai hóa thông tin về hoạt động của DNNN; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với hoạt động của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp.

5. Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghiệp tư nhân

- Phát triển khu vực doanh nghiệp công nghiệp tư nhân có thương hiệu trong khu vực và toàn cầu; khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân lớn đầu tư dài hạn, tạo dựng sản phẩm và thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh quốc tế; thu hẹp khoảng cách về năng lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp FDI trong các ngành công nghiệp như ô tô, dệt may, da giày, điện tử...

- Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp thông qua việc cung cấp thông tin, hỗ trợ đào tạo lao động, hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, hỗ trợ xây dựng hạ tầng đến chân công trình.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia và các dự án của các doanh nghiệp FDI đầu tư tại Việt Nam.

6. Điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp phù hợp với định hướng cơ cấu lại các ngành công nghiệp

- Thực hiện điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp phù hợp với yêu cầu cơ cấu lại các ngành công nghiệp và phát triển các ngành kinh tế trên từng vùng, từng địa phương theo hướng tập trung, không dàn đều theo địa giới hành chính, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh. Có chính sách thúc đẩy việc dịch chuyển các ngành công nghiệp chủ yếu dựa vào tài nguyên và lao động, tác động xấu đến môi trường sang các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Chống mọi biểu hiện duy ý chí, lợi ích cục bộ trong phân bố không gian công nghiệp.

- Phát triển các cụm ngành công nghiệp đối với các ngành công nghiệp ưu tiên theo lợi thế cạnh tranh, chuyên môn hóa và chuỗi giá trị như: dệt may, da giày, thực phẩm, điện tử, hóa chất và triển khai có hiệu quả các quy hoạch vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp ưu tiên, đặc biệt là đối với các ngành công nghiệp như: dệt may, da giày, chế biến thực phẩm...

- Hình thành các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung cho dệt nhuộm, thuộc da, hóa chất, hạn chế tối đa hình thành các cơ sở sản xuất, chế biến hóa chất quy mô nhỏ.

7. Xây dựng năng lực hỗ trợ cơ cấu lại các ngành công nghiệp

- Nâng cấp cơ sở dữ liệu về ngành công nghiệp Việt Nam (bao gồm cả hệ

thống cơ sở dữ liệu về công nghiệp hỗ trợ, cơ sở dữ liệu về thống kê năng lượng) phù hợp với hệ thống thống kê quốc tế.

- Xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp theo hệ thống đánh giá toàn cầu và xây dựng báo cáo đánh giá định kỳ về năng lực cạnh tranh công nghiệp của Việt Nam.

- Triển khai chương trình nâng cao năng lực xây dựng và thực thi chính sách cho cán bộ làm chính sách công nghiệp; đào tạo nâng cao năng lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa về quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, trách nhiệm xã hội, môi trường chuẩn mực kinh doanh quốc tế.

- Phát triển dịch vụ tư vấn đầu tư phát triển các ngành công nghiệp; các trung tâm tư vấn, hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng công nghiệp.

8. Thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ và nguồn nhân lực nhằm cung cấp các giải pháp hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành công nghiệp

- Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, thương mại hóa và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, lành mạnh hóa thị trường công nghệ; kiểm soát, ngăn ngừa chuyển giao công nghệ lạc hậu, ô nhiễm môi trường. Tập trung đầu tư cho nghiên cứu ứng dụng để nhanh chóng nâng cao năng lực công nghệ trong nước, trình độ thiết kế, chế tạo, ứng dụng kỹ thuật và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên. Xây dựng lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ cho một số ngành công nghiệp ưu tiên.

- Phát triển nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp công nghệ cao; Tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp công nghiệp, hướng tới đào tạo nguồn nhân lực một cách thực chất theo đúng nhu cầu.

- Phát triển các doanh nghiệp khoa học - công nghệ trong công nghiệp, đặc biệt các lĩnh vực công nghiệp ưu tiên, công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án khoa học - công nghệ về nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp Việt Nam, phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, Đề án ứng dụng khoa học và công nghệ trong quá trình tái cơ cấu ngành công thương và các chương trình có liên quan khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch; điều phối, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Kế hoạch.

- Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện hàng năm, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đề xuất sửa đổi, bổ sung Kế hoạch khi cần thiết.

- Phối hợp với các bộ, ngành liên quan tiếp tục triển khai thực hiện các

chính sách hiện hành, hỗ trợ tháo gỡ cho các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời tăng cường kiểm soát chất lượng ô tô Việt Nam, kiểm soát chất lượng nhập khẩu ô tô trong nội khối ASEAN, đảm bảo đáp ứng các điều kiện hưởng thuế suất 0%.

- Chủ trì phối hợp với các Bộ ngành liên quan tập trung vào hoàn thiện các chính sách phát triển các ngành công nghiệp; đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, các doanh nghiệp công nghiệp có năng lực cạnh tranh quốc tế; nâng cao năng suất lao động trong các ngành công nghiệp; tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp và các bên liên quan nhằm hỗ trợ thực hiện Kế hoạch; xây dựng cơ sở dữ liệu và thông tin về cơ cấu lại ngành công nghiệp Việt Nam.

2. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, trình Chính phủ báo cáo Quốc hội sửa đổi, bổ sung những chính sách thuế liên quan phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất trong nước (điều chỉnh giá tính thuế Tiêu thụ đặc biệt nhằm thúc đẩy sản xuất và thu mua các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trong nước; điều chỉnh các quy định liên quan đến thuế VAT nhằm khuyến khích doanh nghiệp sản xuất trong nước thay thế nhập khẩu; sửa đổi các quy định về thuế nhập khẩu...).

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách và bố trí nguồn kinh phí cho việc thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, rà soát và đề xuất ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, phí... đối với phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, đảm bảo tuân thủ các cam kết quốc tế và khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp nội địa, thúc đẩy sản xuất trong nước.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công Thương và Bộ, ngành liên quan bố trí, huy động nguồn vốn cho việc thực hiện Kế hoạch.

- Xây dựng các chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào các ngành công nghiệp ưu tiên.

- Đề xuất các giải pháp hiệu quả thúc đẩy các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyên giao công nghệ cho các doanh nghiệp Việt Nam, đặt cơ sở nghiên cứu phát triển (R&D) tại Việt Nam và sử dụng kỹ sư, nhà khoa học Việt Nam.

- Tăng cường cơ chế đối ứng hợp tác công tư để khuyến khích doanh nghiệp công nghiệp triển khai các dự án đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển; thu hút nguồn vốn ODA cho phát triển các ngành công nghiệp.

- Xây dựng Đề án thành lập thí điểm các khu công nghiệp tập trung có hệ thống xử lý chất thải cho ngành dệt may và da giày và hóa chất.

- Nghiên cứu, đề xuất đổi mới chính sách nhằm tăng cường tỷ lệ nội địa hóa trong các doanh nghiệp FDI để thúc đẩy phát triển công nghiệp nội địa.

- Nghiên cứu, đề xuất hình thành các quỹ hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là đầu tư mạo hiểm vào các ngành công nghiệp mới; các dự án đầu tư lớn vào phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên.

- Nghiên cứu hình thành Khu công nghiệp điện tử tập trung.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Rà soát, hoàn thiện các chính sách về lãi suất, tín dụng nhằm hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên.

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng ưu tiên vốn đầu tư đối với các hoạt động đầu tư vào các ngành công nghiệp ưu tiên. Mở rộng hình thức tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay từ các quỹ nhà nước cho dự án đổi mới công nghệ của doanh nghiệp... để doanh nghiệp có thể vay vốn từ ngân hàng thương mại.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng cơ chế tín dụng ưu đãi với lãi suất phù hợp giai đoạn đến năm 2025 cho các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ

- Xây dựng chính sách nhập khẩu công nghệ trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp cho giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

- Xây dựng, thực hiện các chương trình xúc tiến, chuyển giao công nghệ từ các nước có công nghệ nguồn, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Tăng cường thực hiện các hoạt động nghiên cứu phát triển và thương mại hóa các sản phẩm công nghiệp mới có giá trị gia tăng và hàm lượng công nghệ cao, hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao. Xây dựng chính sách nhập khẩu công nghệ trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp giai đoạn đến năm 2025.

- Chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ ngành nghiên cứu đổi mới công nghệ, các mô hình tổ chức sản xuất trong công nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng; xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn quốc gia, thẩm định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm công nghiệp. Đẩy mạnh triển khai thực hiện Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Phối hợp với Bộ Công Thương nghiên cứu, đánh giá toàn diện tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với các ngành công nghiệp và đề xuất xây dựng kế hoạch phát triển, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong các ngành công nghiệp.

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan thực hiện việc xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường trong các ngành công nghiệp, đặc biệt là các ngành có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; các hoạt động về nâng cao hiệu quả khai thác năng lượng và sử dụng tài nguyên; phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ sạch, thân thiện môi trường và ít phát thải trong các ngành công nghiệp và các khu công nghiệp có hệ thống xử lý chất thải tập trung; xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường ngành công thương.

- Chủ trì phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí quỹ đất phát triển vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp; các khu công nghiệp có hệ thống xử lý chất thải tập trung, khu công nghiệp điện tử; tạo quỹ đất cho các dự án đầu tư xây dựng trong các lĩnh vực dệt nhuộm, da giày, hóa chất.

7. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Xây dựng và tổ chức quản lý, triển khai thực hiện quy hoạch phát triển nguồn nguyên liệu cho các ngành: thực phẩm, thuốc lá, giấy, dầu thực vật, sữa... và điều chỉnh cơ cấu sản phẩm phù hợp thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan hoàn thiện chính sách và tổ chức các giải pháp thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.

- Phối hợp với Bộ Công Thương hoàn thiện các chính sách và tổ chức các giải pháp thúc đẩy phát triển các sản phẩm cơ khí trọng điểm trong lĩnh vực nông nghiệp như chế tạo máy nông nghiệp, máy chế biến nông, lâm thủy sản.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Bộ Công Thương trong việc đẩy mạnh liên kết giữa các trường đào tạo với các doanh nghiệp; đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ cao.

9. Bộ Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Bộ Công Thương triển khai thực hiện các nội dung về thông tin, truyền thông thúc đẩy quá trình thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ ngành khác xây dựng mạng lưới khu công nghiệp điện tử tập trung để thu hút đầu tư của các tập đoàn hàng đầu thế giới và các doanh nghiệp trong nước đầu tư phát triển phần cứng, phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin, một số sản phẩm điện tử chất lượng cao mang thương hiệu quốc gia tham gia vào thị trường quốc tế tạo cơ sở cho việc tham gia tích cực vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

10. Bộ Tư pháp

Phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ ngành liên quan rà soát, hoàn thiện việc xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm thực hiện Kế hoạch.

11. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương ưu tiên quỹ đất phát triển vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp; các khu công nghiệp có hệ thống xử lý chất thải tập trung, khu công nghiệp điện tử; tạo điều kiện cho các dự án đầu tư xây dựng trong các lĩnh vực dệt nhuộm, da giày, hóa chất.

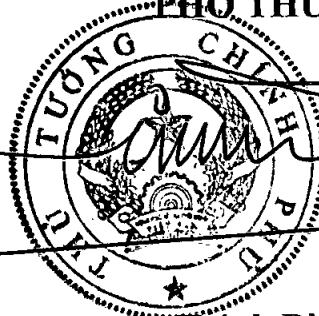
- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương triển khai dịch chuyển các nhà máy, cụm khu công nghiệp gây ô nhiễm môi trường.

12. Kinh phí thực hiện

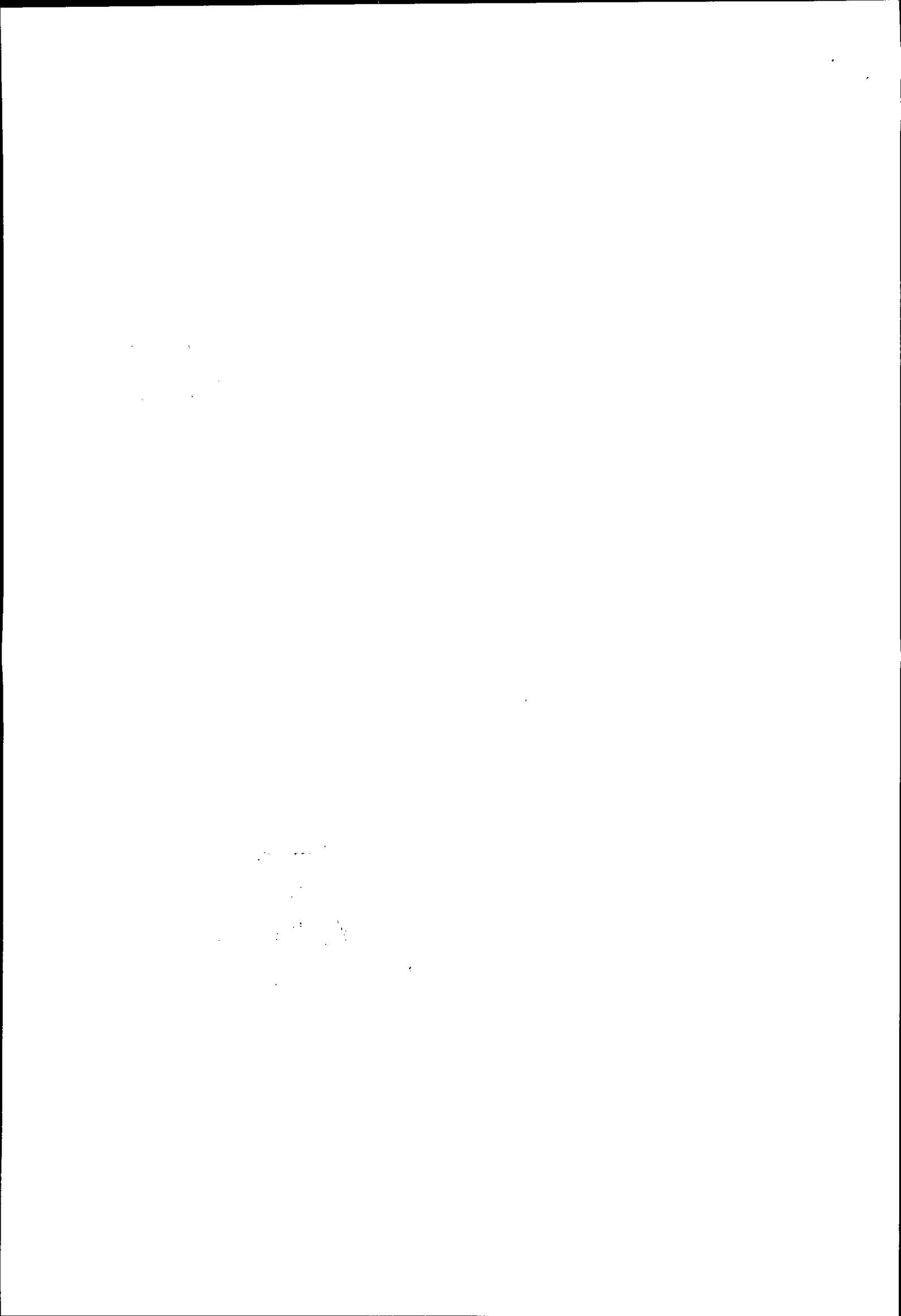
Việc thực hiện các nội dung nhiệm vụ của Kế hoạch này được thực hiện trên nguyên tắc chủ yếu là khơi thông các nguồn lực để phục vụ tái cơ cấu thông qua các cơ chế chính sách, tháo gỡ những điểm nghẽn trong phát triển, tạo điều kiện và môi trường thông thoáng, thuận lợi phục vụ cho doanh nghiệp đầu tư phát triển, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, huy động mạnh mẽ hơn sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân.

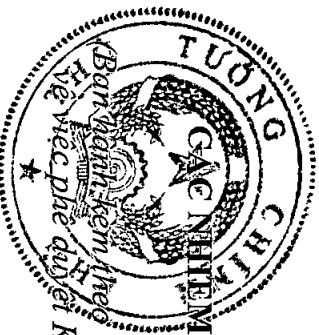
Nguồn kinh phí thực hiện: Ngoài nguồn vốn xã hội hóa, ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch, hàng năm, căn cứ theo nhiệm vụ được giao, các cơ quan tổ chức lập dự toán, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng





Phụ lục

**GIẢI THÍCH VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH CÔNG NGHIỆP
GIAI ĐOẠN 2018 - 2020, XÉT ĐẾN NĂM 2025**

*Quyết định số 598 /QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ
Ban Quản lý Kinh tế Quyết định số 598 /QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ
Về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018 - 2020, xét đến năm 2025)*

TT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
I.	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách và thể chế cơ cấu lại ngành công nghiệp				
1.	Xây dựng Đề án “Chiến lược công nghiệp hóa mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035”	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan	2019
2.	Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên của Việt Nam giai đoạn 2020 - 2030	Nghị định của Chính phủ	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan	2019 - 2020
3.	Điều chỉnh chính sách thuế (tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng...) nhằm hỗ trợ sản xuất trong nước đối với các ngành công nghiệp ưu tiên	Luật thuế sửa đổi và các văn bản hướng dẫn liên quan	Bộ Tài chính	Các Bộ, ngành liên quan	2018 - 2019
4.	Xây dựng gói tín dụng ưu đãi trong giai đoạn 2020 - 2025 cho các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Ngân hàng Nhà nước	Các Bộ, ngành liên quan	2018 - 2019
5.	Xây dựng Đề án về tăng cường hệ thống hàng rào kỹ thuật và biện pháp phòng vệ thương mại nhằm đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp trong nước	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công Thương và các Bộ ngành liên quan	2018 - 2019
6.	Xây dựng Đề án về đổi mới chính sách thu hút FDI và kết nối kinh doanh nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong các doanh nghiệp FDI giai đoạn 2020 - 2025	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương	2019 - 2020
7.	Xây dựng Kế hoạch bảo vệ môi trường ngành Công Thương giai đoạn 2018 - 2025	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Công Thương	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2018

TT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
8.	Nghiên cứu xây dựng khung pháp lý cho phát triển lưới điện thông minh, tích hợp năng lượng tái tạo và các chương trình điều chỉnh phụ tải	Báo cáo của Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan	2018 - 2020
9.	Nghiên cứu sửa đổi Nghị định 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ	Báo cáo trình Chính phủ	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan	2018 - 2019
10.	Nghiên cứu xây dựng Đề án về chính sách phát triển dịch vụ tư vấn đầu tư công nghiệp	Báo cáo của Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan	2018 - 2020
II.	Nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp ưu tiên nhằm tạo tác động lan tỏa cho toàn ngành công nghiệp				
	Đổi mới nhóm ngành công nghiệp nhẹ				
11.	Xây dựng Đề án về ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp thực phẩm chế biến sâu đối với các sản phẩm nông sản, thủy sản	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Bộ ngành liên quan; các Hiệp hội ngành nghề	2019 - 2020
12.	Xây dựng và triển khai Đề án hỗ trợ phát triển thí điểm các trung tâm nghiên cứu, thiết kế phát triển các sản phẩm trong các doanh nghiệp dệt may và da giày	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan; các Hiệp hội ngành nghề	2019 - 2025
13.	Rà soát, xây dựng lộ trình về đổi mới và hiện đại hóa công nghệ trong ngành dệt may và da giày trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Báo cáo của Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ; các Bộ ngành liên quan	2018 - 2019
14.	Rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển ngành giấy nhằm điều chỉnh cơ cấu sản phẩm phù hợp thị trường và đề xuất điều chỉnh chính sách nhập khẩu phế liệu giấy làm nguyên liệu cho ngành sản xuất bao bì giấy Việt Nam	Báo cáo của Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2019 - 2020
15.	Xây dựng Đề án về Kế hoạch phát triển nguồn nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp xuất khẩu (dệt may, da giày, giấy, đồ uống, thực phẩm...)	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan	2019 - 2020

TT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
Đối với nhóm ngành công nghiệp nặng					
16.	Nghiên cứu báo cáo Chính phủ xem xét, điều chỉnh hệ thống thuế nhập khẩu vật tư, thiết bị cho chế tạo máy móc cơ khí nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước	Báo cáo trình Chính phủ	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải	2018
17.	Xây dựng chính sách phát triển sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm giai đoạn 2018 - 2025	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan	2018 - 2019
18.	Xây dựng Đề án về lộ trình loại bỏ dần các nhà máy gang, luyện thép và cán thép không hiệu quả, quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, sử dụng không hiệu quả tài nguyên và năng lượng; thay thế bằng các nhà máy có công nghệ tiên tiến; ưu tiên phát triển các nhà máy sản xuất các loại thép mà trong nước chưa sản xuất được và phải nhập khẩu	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài nguyên và Môi trường	2018 - 2019
Đối với nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ					
19.	Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo đội ngũ tư vấn phát triển công nghiệp giai đoạn đến 2025	Quyết định của Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan; các Hiệp hội ngành nghề	2018 - 2025
20.	Xây dựng các tiêu chí ưu tiên trong lựa chọn phát triển công nghiệp hỗ trợ	Quyết định của Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan; các Hiệp hội ngành nghề	2018 - 2025
Đối với ngành công nghiệp Điện					
21.	Xây dựng Đề án chuyển đổi Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia thành Công ty TNHH MTV vận hành hệ thống điện và thị trường điện, hạch toán độc lập trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan.	2018
22.	Thực hiện tách bạch chi phí phân phối điện và bán lẻ điện của Tổng công ty Điện lực	Báo cáo của Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan.	2020

TT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
	Đối với ngành khai thác tài nguyên và khoáng sản				
23.	Tổ chức điều tra, đánh giá thực chất năng lực cạnh tranh và đề xuất các giải pháp nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả của một số nguồn tài nguyên khoáng sản có trữ lượng lớn như boxit, titan...	Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ	Bộ Công Thương	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2018 - 2020
24.	Nghiên cứu xây dựng các chỉ tiêu kỹ thuật, xác định công nghệ, quy mô công suất trong chế biến một số loại khoáng sản chủ yếu tại Việt Nam phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoáng sản	Báo cáo của Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài nguyên và Môi trường; các Bộ ngành liên quan	2018 - 2020
	Đẩy mạnh cổ phần hóa, tổ chức sắp xếp lại các Doanh nghiệp nhà nước nhằm thực hiện cơ cấu lại chủ sở hữu, phát huy hiệu quả của các nguồn lực				
25.	Duy trì và cập nhật thông tin minh bạch hóa, công khai thông tin về hoạt động của các Tập đoàn, Tổng công ty thuộc Bộ Công Thương	Thông tin cập nhật hàng năm trên các trang thông tin điện tử	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan	2018 - 2025
26.	Đẩy mạnh triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà nhà nước không cần nắm giữ trên 50% thuộc Bộ Công Thương theo đúng lộ trình	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan	2018 - 2020
	Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghiệp tư nhân				
27.	Nghiên cứu hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp trong các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Báo cáo của Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ; các Bộ ngành liên quan	2018
28.	Xây dựng Đề án về đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghiệp tư nhân lớn đầu tư dài hạn, tạo dựng sản phẩm và thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh trong nước và quốc tế	Quyết định của Chính phủ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Công Thương; các Bộ ngành liên quan	2018 - 2020
29.	Xây dựng Đề án về phát triển thương hiệu ngành công nghiệp thực phẩm Việt Nam	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan; các Hiệp hội ngành nghề	2018 - 2019

TT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
30.	Xây dựng Chương trình tổng thể về sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm hỗ trợ phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của một số ngành công nghiệp Việt Nam	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan; các Hiệp hội ngành nghề	2018
31.	Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình đàm phán với các hệ thống phân phối nước ngoài các thỏa thuận, cam kết về số lượng, chủng loại sản phẩm, hàng hóa mang thương hiệu Việt Nam được phân phối trong mạng lưới của các hệ thống phân phối nước ngoài	Bảo cáo của Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan; các doanh nghiệp và các Hiệp hội ngành nghề	2018 - 2020
Điều chỉnh phân bổ không gian công nghiệp phù hợp với định hướng cơ cấu lại các ngành công nghiệp					
32.	Xây dựng tiêu chí, điều kiện, cơ chế cụ thể để xác định và phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp	Bảo cáo trình Thủ tướng Chính phủ	Bộ Công Thương	Các Bộ ngành liên quan	2019
33.	Rà soát, đánh giá hiện trạng quy hoạch vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp như dệt may, da giày, hóa chất, thép, thực phẩm... gắn với quy hoạch của các vùng kinh tế	Bảo cáo trình Thủ tướng Chính phủ	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài nguyên và Môi trường; các Bộ ngành liên quan	2018 - 2020
34.	Xây dựng và triển khai Đề án thành lập thí điểm các khu công nghiệp tập trung có hệ thống xử lý chất thải cho ngành dệt may và da giày và hóa chất	Quyết định Thủ tướng Chính phủ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Công Thương; Bộ Tài nguyên và Môi trường; UBND các tỉnh, thành phố và các Bộ ngành liên quan.	2018 - 2025
35.	Xây dựng và triển khai thí điểm Đề án về thành lập các khu công nghiệp điện tử tập trung để thu hút đầu tư của các tập đoàn hàng đầu thế giới và các doanh nghiệp trong nước đầu tư phát triển phần cứng, phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin, một số sản phẩm điện tử chất lượng cao mang thương hiệu quốc gia tham gia vào thị trường quốc tế tạo cơ sở cho việc tham gia tích cực vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Quyết định Thủ tướng Chính phủ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Công Thương; Bộ Tài nguyên và Môi trường; UBND các tỉnh, thành phố; các Bộ ngành liên quan	2018 - 2025